



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Alphanam E&C

Ngày 30/06/2025	5,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	10.6%	-	10.6%

DT thuần Q2/25
1,266
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 142 12.7%
YoY: ▲ 193 18.0%

LN thuần Q2/25
20.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.6 610%
YoY: ▲ 11.7 133%

LN sau thuế Q2/25
16.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.1 1026%
YoY: ▲ 9.63 138%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
4.8%
YoY: +/- ▲ 2.2%

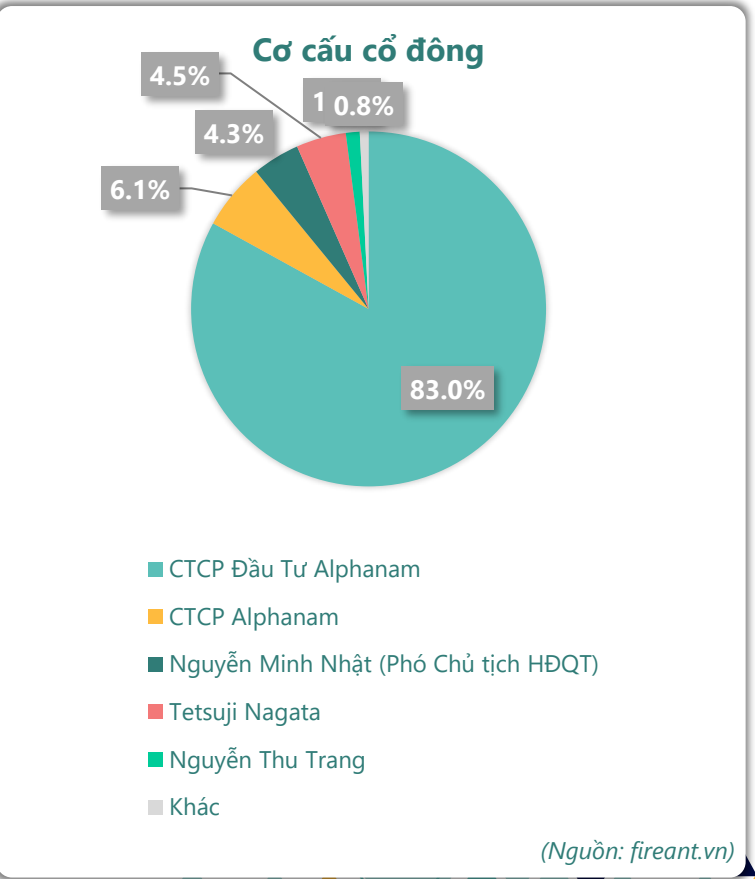
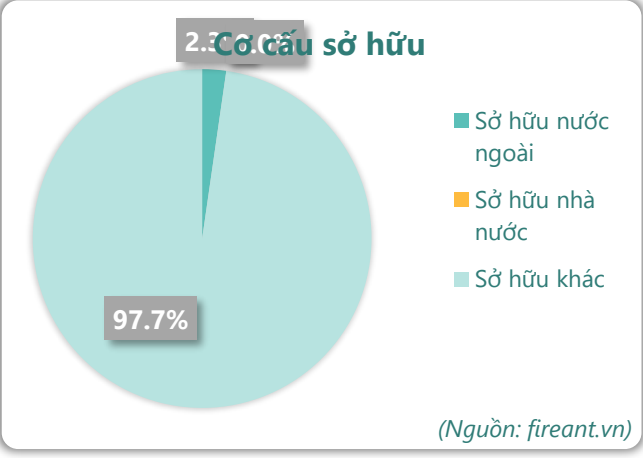
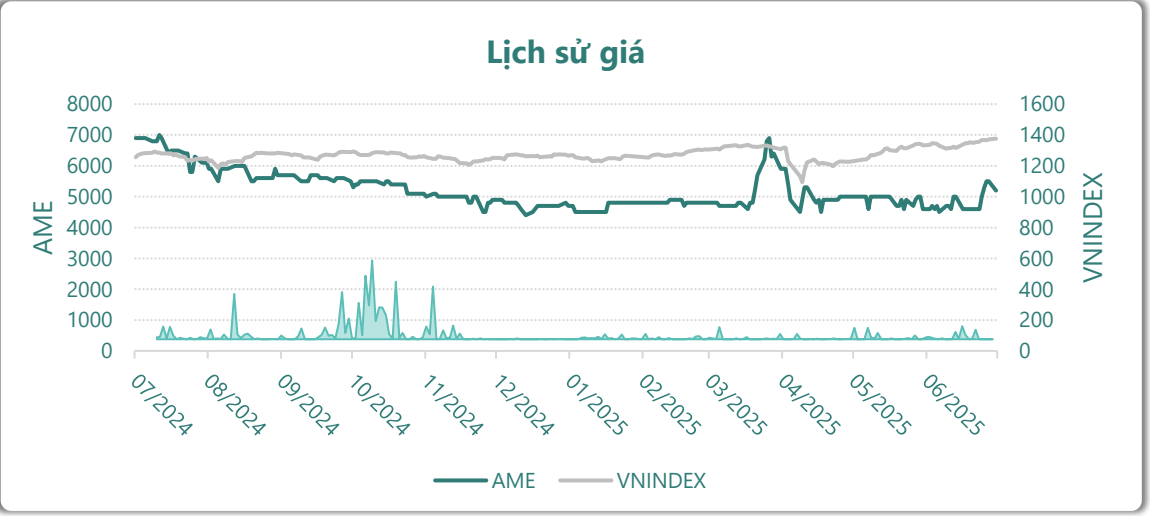
ROE (TTM) Q2/25
3.9%
YoY: +/- ▲ 1.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,400 - 7,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	339
Số lượng CPLH (CP)	65,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,095
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	0.77
EPS	503
P/E	10.3

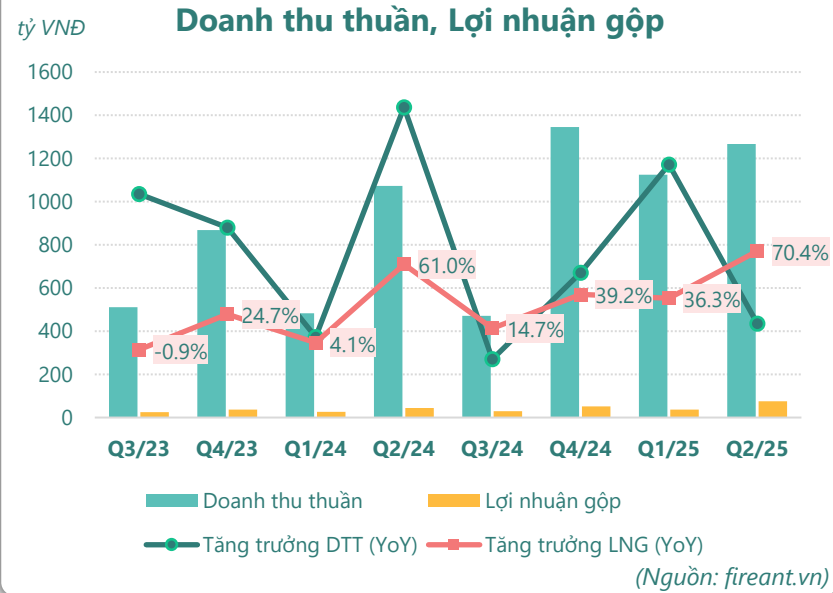
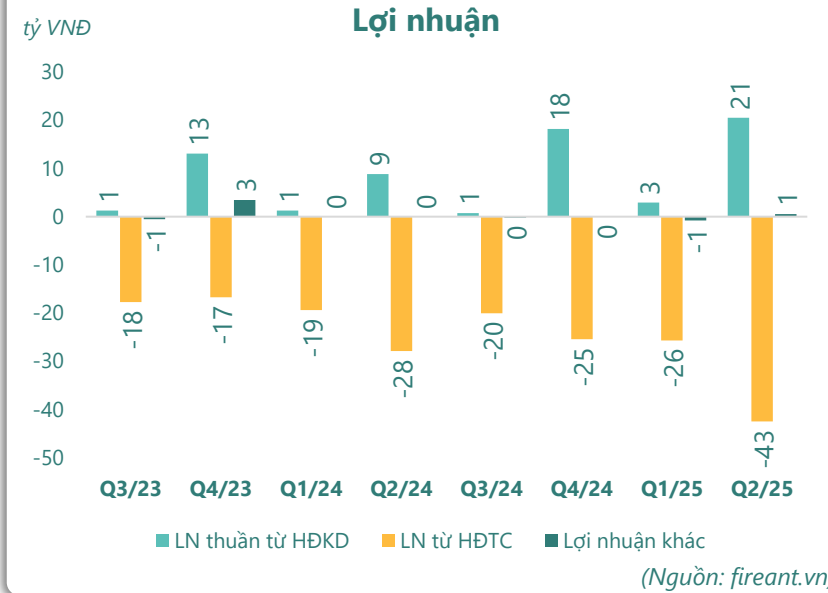
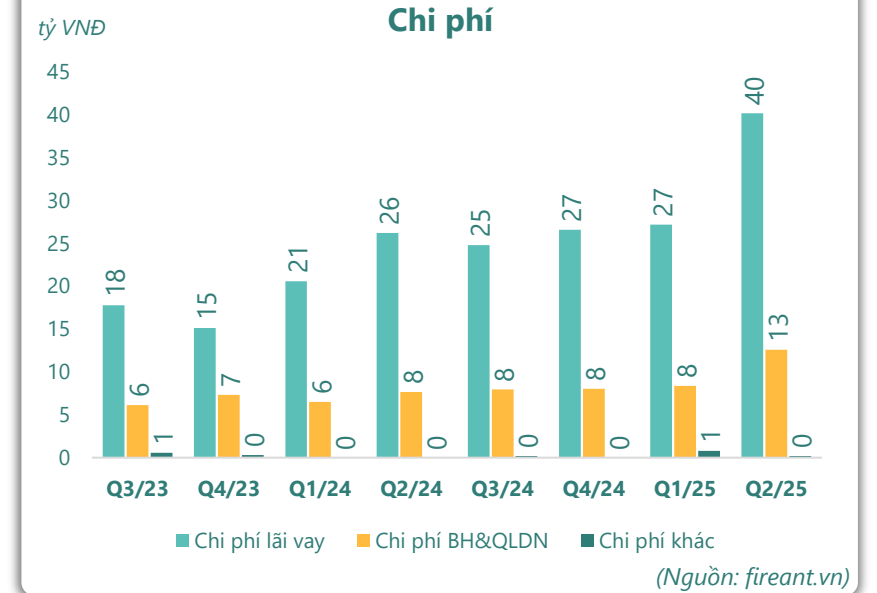
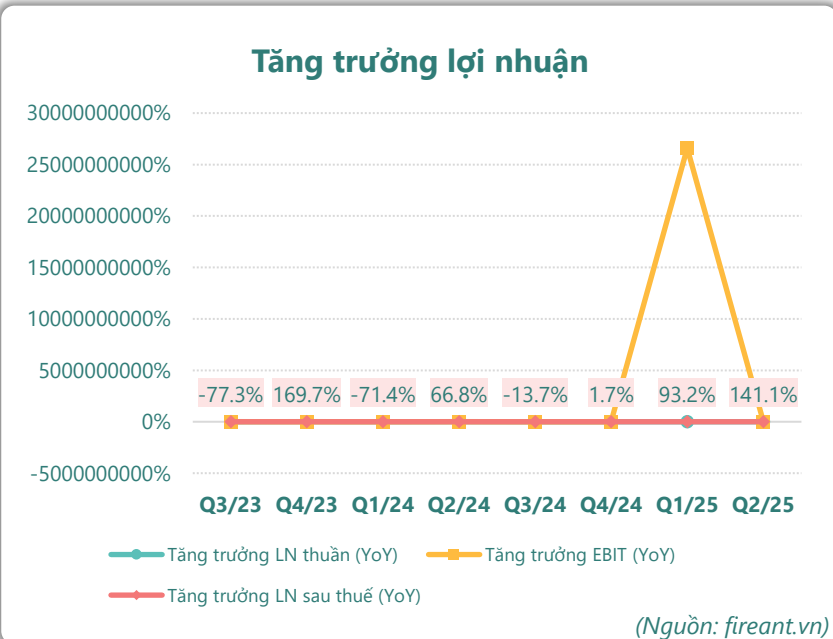
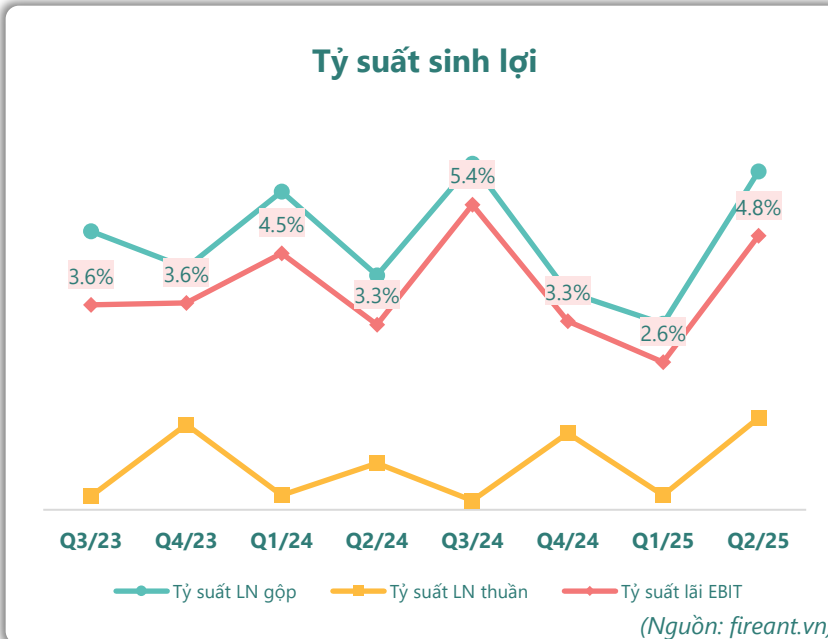
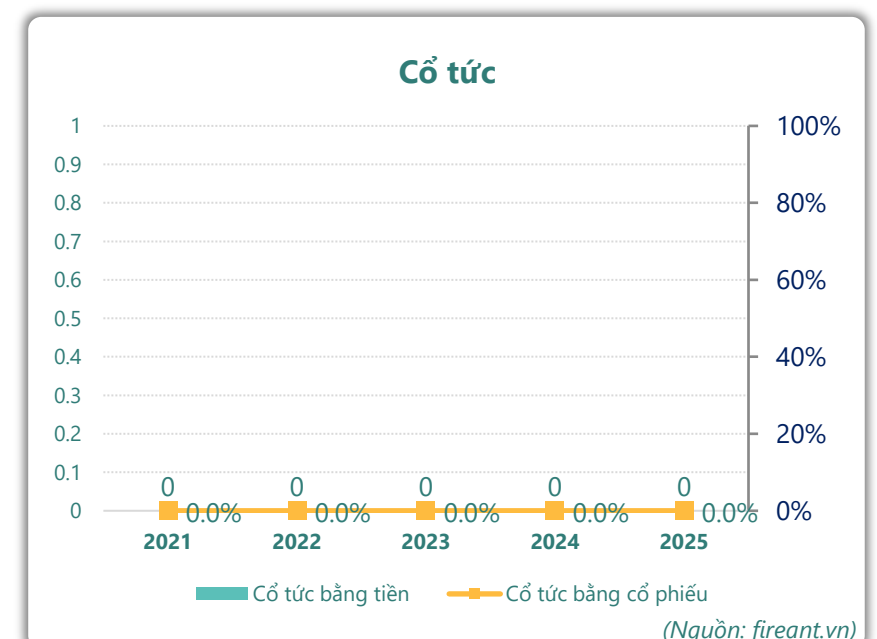
DT thuần 6T 2025
2,391
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 836 53.7%

LN thuần 6T 2025
23.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.4 133%

LN sau thuế 6T 2025
18.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.1 128%



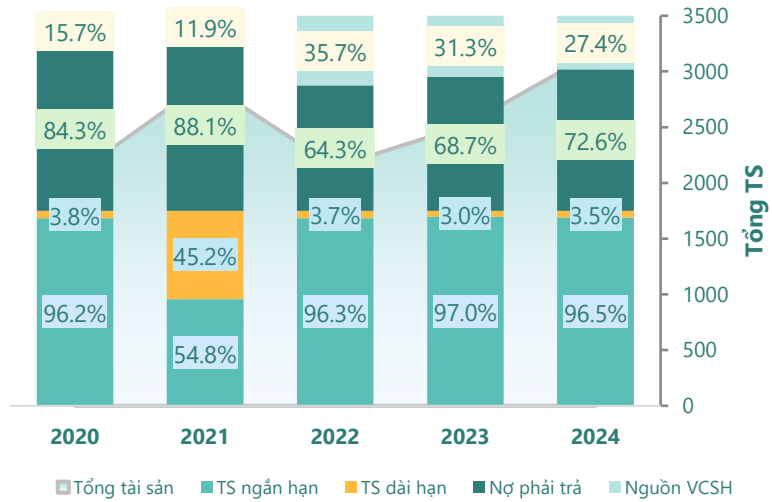
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

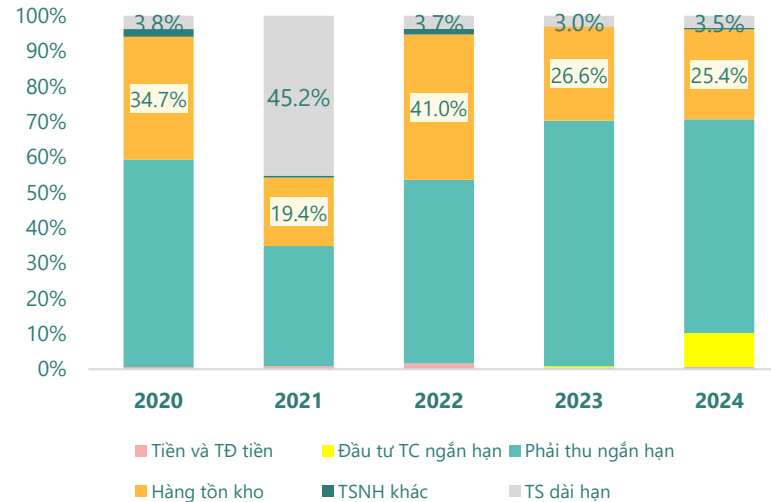
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

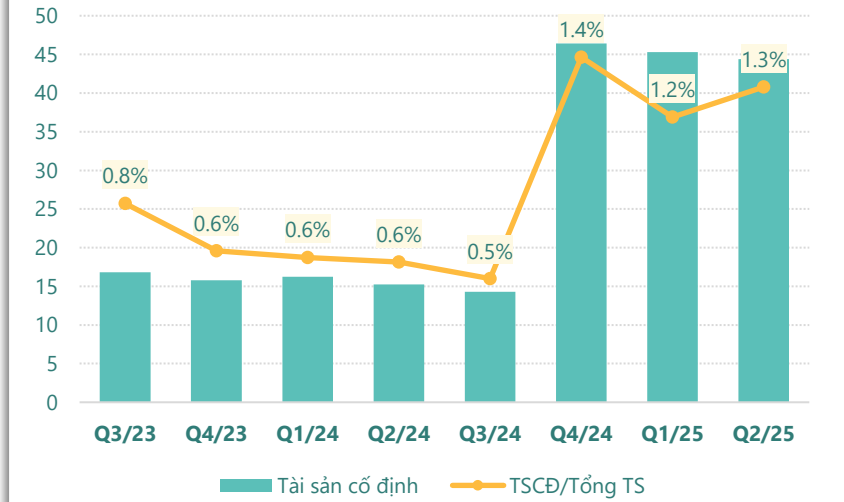
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

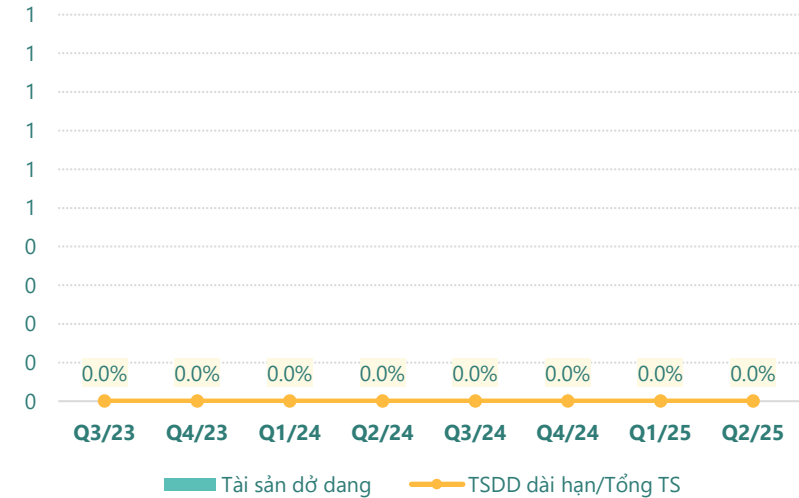
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

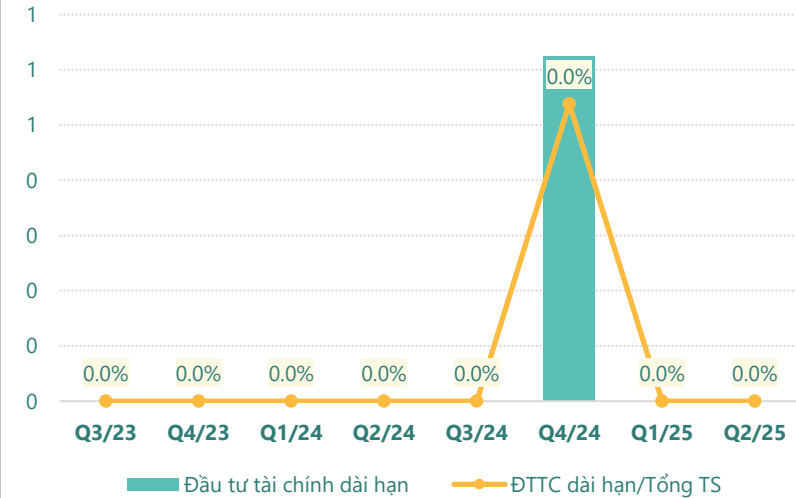
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

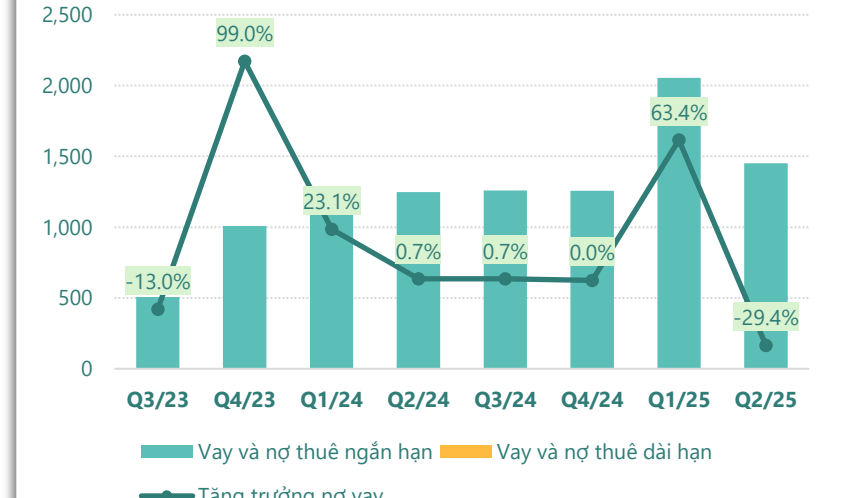
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

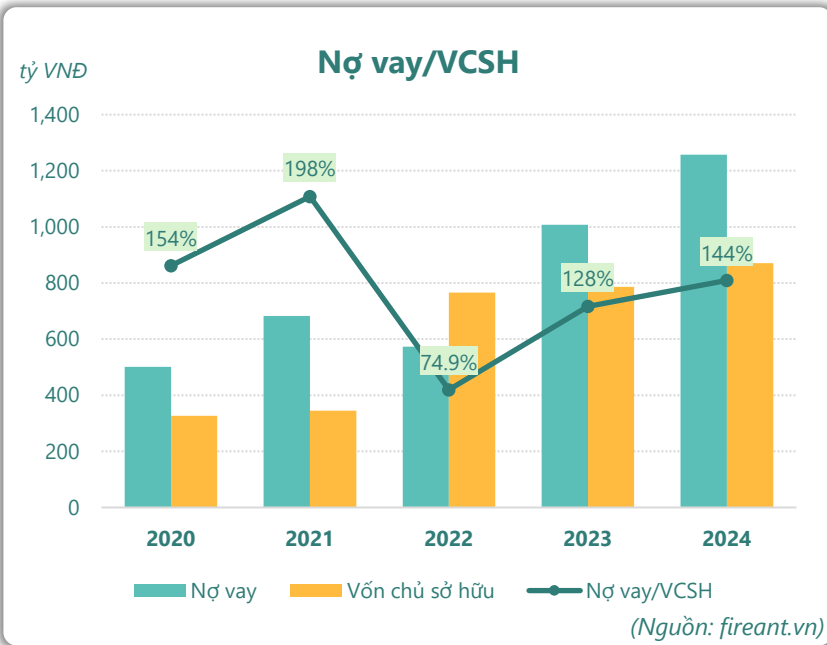
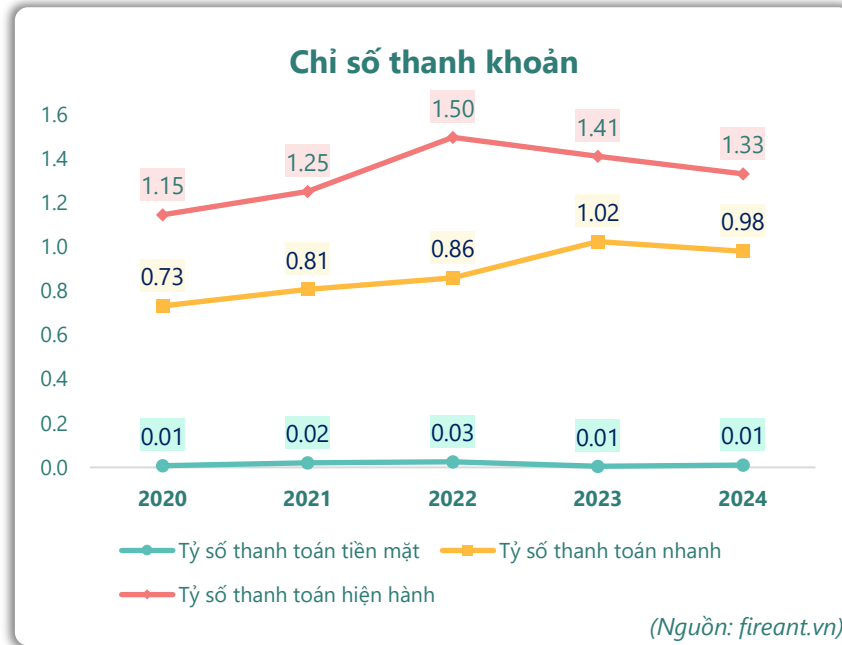
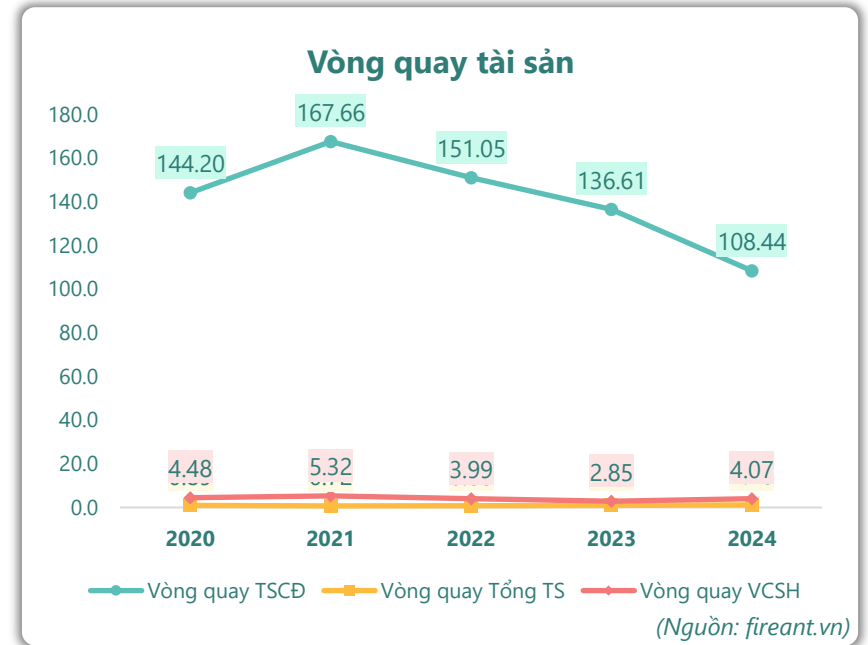
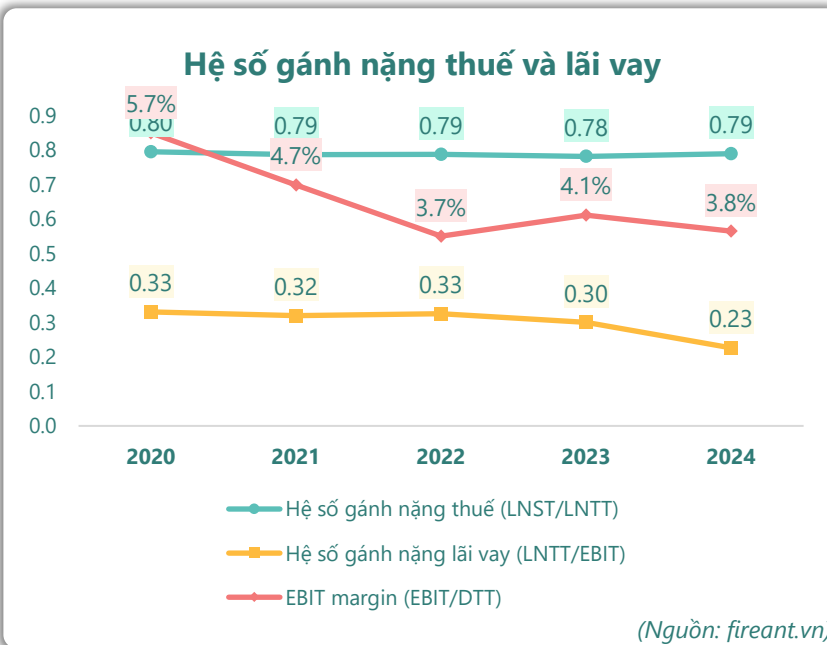
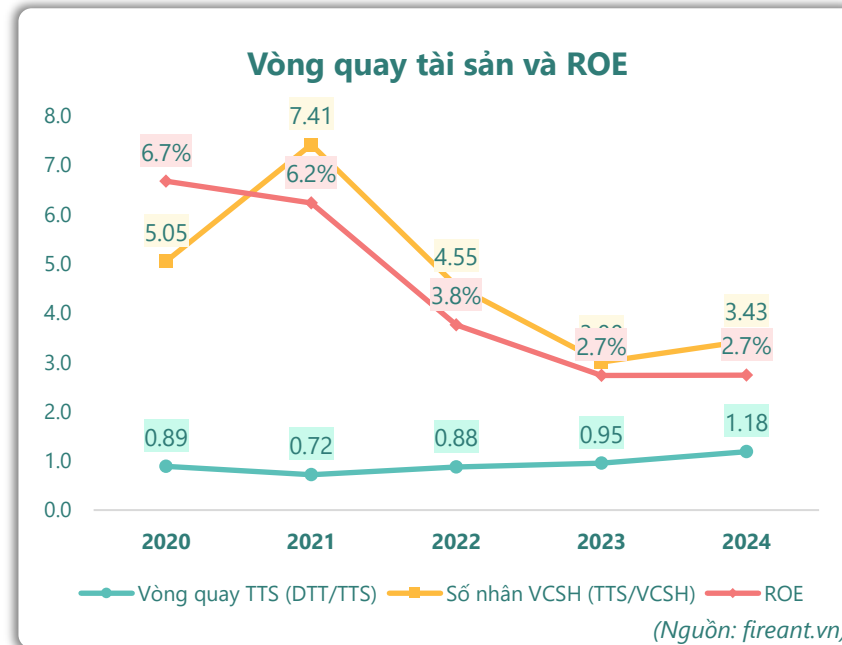
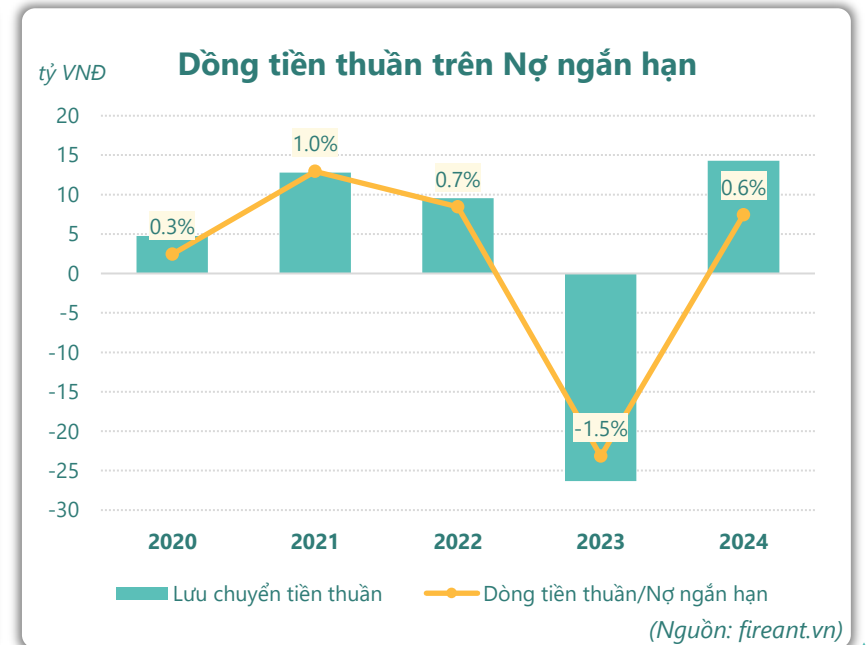
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,266	1,073	18.0%	2,391	1,555	53.7%
Giá vốn hàng bán	1,191	1,028	15.8%	2,278	1,484	53.6%
Lợi nhuận gộp	75.6	44.4	70.3%	113	71.5	57.5%
Doanh thu HĐTC	-0.40	2.25	-118%	1.13	3.48	-67.6%
Chi phí TC	42.1	30.2	39.4%	69.3	50.8	36.5%
Chi phí lãi vay	40.2	26.2	53.3%	67.4	46.8	43.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	12.6	7.65	64.7%	21.0	14.1	48.3%
LN thuần từ HĐKD	20.5	8.81	133%	23.4	10.0	133%
Lợi nhuận khác	0.54	0.02	2585%	-0.26	0.04	-781%
LN trước thuế	21.1	8.84	138%	23.1	10.1	130%
Lợi nhuận sau thuế	16.6	6.97	138%	18.0	7.90	128%
LNST của CĐ cty mẹ	16.4	6.97	135%	17.8	7.90	125%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-141	112	427	-176	-637	370
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.15	-113	-459	117	-112	194
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	181	-1.21	9.25	56.7	796	-603
Tiền đầu kỳ	8.66	48.1	46.3	24.3	22.9	70.9
Lưu chuyển tiền thuần	39.5	-1.83	-22.1	-1.99	48.0	-38.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	48.1	46.3	24.3	22.3	70.9	32.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,401	3,175	7.1%
Tài sản ngắn hạn	3,294	3,065	7.5%
Tiền và tương đương tiền	32.6	22.9	42.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	261	301	-13.3%
Phải thu ngắn hạn	2,181	1,922	13.5%
Hàng tồn kho	814	806	1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	5.97	13.5	-55.7%
Tài sản dài hạn	107	110	-2.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	44.4	46.4	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	62.8	63.2	-0.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,512	2,304	9.1%
Nợ ngắn hạn	2,512	2,303	9.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,451	1,258	15.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	630	845	-25.5%
Nợ dài hạn	0.41	0.41	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	889	871	2.1%
Vốn chủ sở hữu	889	871	2.1%
Vốn điều lệ	652	652	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

